

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 22/2024/DS-ST

Ngày: 27 - 02 - 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tấn Thiện.

2. Ông Phan Thanh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 352/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXX-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng CSXHVN.**

Địa chỉ: CC5, bán đảo L Đ, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết Thắng - chức vụ: Tổng Giám Ngân hàng Chính sách xã hội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Ngọc Khải - chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

(Giấy ủy quyền số 168/UQ-NHCS ngày 13/12/2023)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp THA, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1957 (chết).

2. Ông Nguyễn Văn, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp Thới Hòa A, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, TP Cần Thơ.

3. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số 106/3, tổ 3/1 khu vực Thới An, phường Thới An Đông, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ.

*Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà L: ông Đ, ông Đ, bà T.
(Tất cả có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Vào ngày 26/9/2005 ông Nguyễn Văn Đ và vợ là bà Lê Thị Mỹ L có vay của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội thành phố Cần Thơ theo hợp đồng tín dụng số XWML0278 và phụ lục hợp đồng số XKML0278 để làm chi phí cho con là Nguyễn Thị Thanh T đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Ngày 07/12/2005 ông Đ và bà L tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số XWML0373 và phụ lục hợp đồng số XKML0373 để làm chi phí cho con là Nguyễn Văn Đ đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Hiện nay khoản vay này đã chuyển về Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Thới Lai quản lý. Theo hợp đồng ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 30/12/2011 nhưng đến nay ông Đ chưa thực hiện trả nợ cho Ngân hàng và khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Bị đơn chỉ trả được một phần tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số XWML0278 số tiền 39.322.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số XWML0373 số tiền 39.322.000 đồng.

Sau khi chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng đã nhiều lần phối hợp với UBND thị trấn Thới Lai và Hội đoàn thể của thị trấn Thới Lai yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Đ vẫn không thực hiện trả nợ.

Nay Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Thới Lai yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm trả số nợ tính đến ngày 27/02/2024, theo hợp đồng tín dụng số XWML0278 và phụ lục hợp đồng số XKML0378 số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, nợ lãi 26.565.664 đồng, tổng cộng 46.565.664 đồng; Hợp đồng tín dụng số XWML0373 và phụ lục hợp đồng số XKML0373 số tiền nợ gốc số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, nợ lãi 26.325.664 đồng, tổng cộng 46.325.664 đồng.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:* Trước đây vào năm 2005 ông và vợ ông là bà Lê Thị Mỹ L có vay tiền của Ngân hàng Chính sách xã hội TP Cần Thơ để làm chi phí cho con là Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Văn Đ xuất khẩu lao động, nhưng nay vợ ông đã chết, nhà nghèo không có tài sản nên ông không thể nào trả tiền theo yêu cầu của Ngân hàng.

- *Anh Nguyễn Văn Đ trình bày:* Trước đây, mẹ của anh là bà Lê Thị Mỹ L có vay của Ngân hàng Chính sách xã hội TP Cần Thơ số tiền 20.000.000 đồng để làm chi phí cho anh xuất khẩu lao động. Nay bà L đã chết, hoàn cảnh gia đình khó khăn, xin được trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng, xin trả mỗi tháng 500.000 đồng, xin giảm tiền lãi.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ thừa nhận số tiền còn nợ như trình bày của nguyên đơn nhưng hiện tại ông già yếu, hoàn cảnh gia đình khó khăn không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn Đ thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng, đồng ý trả nhưng mỗi tháng cho chị T trả 500.000 đồng, anh Đ trả 500.000 đồng, phần tiền lãi xin Ngân hàng không tính.

Chị Nguyễn Thị Thanh T cũng trình bày, khi sang Malaysia cũng có công việc ổn định và có thu nhập nhưng do Công ty của em là Nguyễn Văn Đ làm việc được khoảng một năm rưỡi thì phá sản nên chị phải gửi tiền cho Đ nên không có tiền gửi về trả nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết các hợp đồng tín dụng số XWML0278 ngày 26/9/2005 và phụ lục hợp đồng số XKML0378; Hợp đồng tín dụng số XWML0373 ngày 07/12/2005 và phụ lục hợp đồng số XKML0373. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đưa ra lý do không chính đáng. Căn cứ vào các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến 27/02/2024 là nợ gốc 40.000.000 đồng, nợ lãi 52.891.328 đồng, tổng cộng là 92.891.328 đồng và lãi phát sinh. Về án phí: bị đơn là người trên 60 tuổi nên được miễn án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng CSXHVN yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Văn Đ thanh toán số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số XWML0278 ngày 26/9/2005 và phụ lục hợp đồng số XKML0378; Hợp đồng tín dụng số XWML0373 ngày 07/12/2005 và phụ lục hợp đồng số XKML0373 .

Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, bị đơn cư trú tại thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng những tài liệu, chứng cứ kèm theo đủ cơ sở xác định:

Vào ngày 26/9/2005 ông Nguyễn Văn Đ và vợ là bà Lê Thị Mỹ L có vay của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội thành phố Cần Thơ theo hợp đồng tín dụng số XWML0278 và phụ lục hợp đồng số XKML0373 để làm chi phí cho con là Nguyễn Thị Thanh T đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Ngày 07/12/2005 ông Đ và bà L tiếp tục ký Hợp đồng tín dụng số XWML0373 và phụ lục hợp đồng số XKML0373 để làm chi phí cho con là Nguyễn Văn Đ đi xuất khẩu lao động tại Malaysia. Hiện nay khoản vay này đã chuyển về Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Thới Lai quản lý. Theo hợp đồng ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 30/12/2011 nhưng đến nay ông Đ chưa thực hiện trả nợ cho Ngân hàng và khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn.

Mục đích sử dụng tiền vay là để cho con đi lao động tại Malaysia, lãi suất cho vay: 0,50%/tháng, lãi suất nợ quá hạn: 0,65%/tháng, thời hạn cho vay và kỳ hạn trả nợ là 36 tháng, vay tín chấp.

Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ vay tài sản bằng hình thức tín chấp giữa ông Nguyễn Văn Đ, bà Lê Thị Mỹ L với Ngân hàng CSXHVN theo quy định tại Điều 344, 345 Bộ luật Dân sự. Từ khi giao kết hợp đồng đến nay, bị đơn chỉ thanh toán được một phần tiền lãi cho nguyên đơn. Sau đó, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số XWML0278 ngày 26/9/2005 và phụ lục hợp đồng số XKML0278; Hợp đồng tín dụng số XWML0373 ngày 07/12/2005 và phụ lục hợp đồng số XKML0373 cho Ngân hàng CSXHVN.

[3] Xét lời trình bày của ông Đ, chị T và anh Đ là không có cơ sở, bởi lẽ khi giao kết hợp đồng với Ngân hàng để làm chi phí đi lao động thì nghĩa vụ phải trả nợ theo Hợp đồng đã giao kết. Mặt khác, theo chị T trình bày cũng đi làm và cũng có thu nhập nhưng do phải gửi tiền cho anh Đ lúc không có việc làm, đó không phải là lý do để không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là người trên 60 tuổi nên không phải chịu án phí.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Các Điều 344, 345, 466 Bộ luật Dân sự 2015;
Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CSXHVN.
2. Buộc ông Nguyễn Văn Đ, chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng CSXHVN số tiền tính ngày 27/02/2024, bao gồm: Nợ gốc 40.000.000 đồng, nợ lãi 52.891.328 đồng, tổng cộng 92.891.328 đồng (chín mươi hai triệu tám trăm chín mươi một ngàn ba trăm hai mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số XWML0278 ngày 26/9/2005 và Hợp đồng tín dụng số XWML0373 ngày 07/12/2005 đến khi trả xong nợ.

3. Về án phí DSST: Bị đơn không phải chịu án phí.

4. Trong hạn 15 ngày: kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Tấn Thiện

Phan Thanh Dũng

Bùi Tuấn Kiệt

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- Chi cục THADS H. Thới Lai;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tuấn Kiệt

